TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 204/2019/QĐST-HNGĐ *Liên Chiểu, ngày 14 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 398/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Phan Thị T- Sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 68, phường HKB, quận L, thành phố Đà Nẵng

Ông Lê Văn C- Sinh năm 1988. Trú tại: Tổ 68, phường HKB, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Thị T và ông Lê Văn C kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Khê, quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại phường HKB, quận L, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tôn trọng lẫn nhau, quan điểm sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cải vả và xô xát. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm giữa hai vợ chồng đã không còn mặc dù đã cố gắng hàn gắn vì thế thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, bà T và ông C đã thật tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông C.

[2] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, Bà Phan Thị T và ông Lê Văn C có 02 con chung Lê Hùng P, sinh ngày 14.8.2010 và Lê Thanh T, sinh ngày 07.10.2012. Vợ chồng bà T và ông C thống nhất giao 02 con chung Lê Hùng P, sinh ngày 14.8.2010 và Lê Thanh T, sinh ngày 07.10.2012 cho ông Lê Văn C trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đế tuổi trưởng thành. Bà Phan Thị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về tài sản chung:* Bà Phan Thị T và ông Lê Văn C tự thỏa thuận.

[4] *Về nợ chung*: Bà Phan Thị T và ông Lê Văn C xác nhận không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (b*a trăm nghìn đồng*) Bà Phan Thị T và ông Lê Văn C phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06.11.2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phan Thị T và ông Lê Văn C thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2009 ngày 19/11/2009 của UBND phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung:* Bà Phan Thị T và ông Lê Văn C xác nhận 02 con chung Lê Hùng P, sinh ngày 14.8.2010 và Lê Thanh T, sinh ngày 07.10.2012. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Lê Văn C trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung Lê Hùng P, sinh ngày 14.8.2010 và Lê Thanh T, sinh ngày 07.10.2012 đến tuổi trưởng thành.

Bà Phan Thị T không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Bà Phan Thị T và ông Lê Văn C tự thỏa thuận phân chia.
- *Về nợ chung*: Bà Phan Thị T và ông Lê Văn C xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) Bà Phan Thị T và ông Lê Văn C phải nộp và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004022 ngày 24.10.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Bà T và ông C đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND p Thanh Khê Tây, q Thanh Khê, TP ĐN;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phan Thanh Thủy